

Số: **4613** /TCHQ-VNACCS

Hà Nội, ngày **26** tháng **4** năm 2014

V/v xử lý vướng mắc khi thực hiện  
Thông tư 22/2014/TT-BTC

Kính gửi: Cục Hải quan các tỉnh, thành phố.

Trên cơ sở những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai Thông tư 22/2014/TT-BTC có hiệu lực áp dụng từ ngày 1/4/2014 và Quyết định 988/QĐ-TCHQ ngày 28/3/2014, Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Hướng dẫn kiểm tra các thông tin khai báo trên tờ khai hải quan

a) Mã “Địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến”:

Địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến sử dụng để khai báo địa điểm lưu giữ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trước khi thực hiện thủ tục hải quan. Người khai hải quan căn cứ vào địa điểm lưu giữ hàng hóa để thực hiện khai báo phù hợp, cụ thể như sau:

a1) Trường hợp địa điểm tập kết hàng hóa đã được Tổng cục Hải quan mã hóa: sử dụng đúng mã “Địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến” theo Bảng mã đăng tải trên Website Tổng cục Hải quan.

*Lưu ý đối với hàng hóa xuất khẩu:*

- Hàng hóa của doanh nghiệp A nếu lưu giữ tại kho riêng của chính doanh nghiệp thì sử dụng mã kho của doanh nghiệp A. Nếu hàng hóa của doanh nghiệp A thuê kho của doanh nghiệp B hoặc ICD để lưu giữ thì sử dụng mã kho của doanh nghiệp B hoặc mã kho ICD khi khai báo.

- Chỉ sử dụng mã địa điểm của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai khi hàng hóa được doanh nghiệp tự nguyện đưa đến địa điểm tập kết hàng do Chi cục Hải quan đó quản lý trước khi đăng ký tờ khai (ví dụ đối với Chi cục Hải quan Biên Hòa là 47NBCNB), không yêu cầu doanh nghiệp mang hàng hóa đến địa điểm tập kết hàng do Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai quản lý trước khi đăng ký tờ khai.

*Lưu ý đối với hàng hóa nhập khẩu:*

Theo thông báo hàng đến, hàng hóa nhập khẩu được lưu giữ tại địa điểm lưu giữ hàng hóa nhập khẩu nào thì sử dụng mã địa điểm đó để khai báo.

Ví dụ: Doanh nghiệp A thực hiện thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KVI (mã Chi cục Hải quan: 03CC). Theo thông báo hàng đến, hàng hóa hiện đang lưu giữ tại Kho bãi Tân Cảng Hải Phòng thì sử dụng mã của Kho bãi Tân Cảng Hải Phòng (03CCS03) để khai báo. Trường hợp doanh nghiệp A thực hiện thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan CK Cảng Hải Phòng KVI nhưng theo thông báo hàng đến hàng hóa hiện đang lưu giữ tại Bãi

hàng hóa nhập khẩu Tân Thanh Lạng Sơn thì sử dụng mã của Bãi hàng hóa nhập khẩu Tân Thanh (15E4G02) để khai báo.

a2) Trường hợp địa điểm tập kết hàng hóa xuất khẩu chưa được Tổng cục Hải quan mã hóa: sử dụng mã tạm của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai (ví dụ Chi cục Hải quan Biên Hòa là 47NBOZZ) để khai báo mã “Địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến”, đồng thời phải ghi cụ thể địa điểm tập kết hàng, thời gian dự kiến đóng container, xếp hàng lên phương tiện vận tải tại tiêu chí “Phần ghi chú” trên Tờ khai.

a3) Người khai hải quan chỉ được sử dụng các mã địa điểm tập kết hàng hóa xuất khẩu (bao gồm các mã tạm và mã kho tập kết hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp) để khai báo tờ khai xuất khẩu, **không được sử dụng cho khai báo tờ khai hàng hóa nhập khẩu và tờ khai vận chuyển hàng hóa** (tờ khai vận chuyển độc lập). Trường hợp người khai hải quan khai báo không đúng quy định, công chức được giao nhiệm vụ tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai (đối với tờ khai được phân luồng vàng, luồng đỏ) và công chức giám sát tại khu vực giám sát hải quan (đối với tờ khai được phân luồng xanh) hướng dẫn người khai hải quan thực hiện thủ tục hủy tờ khai và khai báo đúng quy định.

Dấu hiệu nhận biết mã tạm và mã kho tập kết hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp:

- Mã tạm: bao gồm 7 ký tự có 3 ký tự cuối cùng là “OZZ”, tên địa điểm: “DIEM LUU HH XK Mã Chi cục”. Ví dụ: 50BBOZZ.

- Mã kho tập kết hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp: bao gồm 7 ký tự, tên địa điểm: “KHO XK CTY...”.

b) Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O): tờ khai không có tiêu chí riêng để khai C/O nhưng xác định hàng hóa có C/O thông qua tiêu chí “Mã nước xuất xứ” và “Mã biểu thuế nhập khẩu”. Khi người khai hải quan chọn Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt sẽ phải có C/O trong bộ hồ sơ hải quan.

c) Tờ khai trị giá: Điểm d khoản 3 Điều 10 Thông tư 22/2014/TT-BTC quy định: “Người khai hải quan khai tờ khai trị giá và nộp cho cơ quan Hải quan theo quy định tại Quyết định số 30/2008/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 và Thông tư 182/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2012. Riêng trường hợp người khai hải quan xác định hàng hóa đủ điều kiện áp dụng phương pháp trị giá giao dịch, đồng thời đã khai thông tin trị giá trên Tờ khai hàng hóa nhập khẩu và Hệ thống tự động tính trị giá tính thuế thì người khai hải quan không phải khai và nộp tờ khai trị giá”.

Như vậy, người khai hải quan khai và nộp tờ khai trị giá theo quy định tại Quyết định số 30/2008/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 đối với hàng hóa là đối tượng khai tờ khai trị giá thuộc các trường hợp sau:

- Đủ điều kiện áp dụng phương pháp trị giá giao dịch, nhưng người khai hải quan nhập thủ công trị giá tính thuế vào ô tương ứng khi đăng ký trước thông tin hàng hóa nhập khẩu (IDA).

- Xác định trị giá theo các phương pháp khác (từ phương pháp 2 đến phương pháp 6).

Người khai hải quan thực hiện tính toán trị giá tính thuế trên tờ khai trị giá riêng và lấy kết quả điền vào ô “trị giá tính thuế” trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu. Trên cơ sở tờ khai trị giá riêng đã khai báo, người khai hải quan gửi Tờ khai trị giá bằng tệp tin đính kèm đến Hệ thống VNACCS thông qua nghiệp vụ HYS.

d) Phần ghi chú: hiện tại người khai hải quan phải ghi nhận nhiều nội dung tại tiêu chí “Phần ghi chú”. Nếu thông tin cần ghi nhận tại “Phần ghi chú” vượt quá 100 ký tự, hướng dẫn người khai hải quan ghi nhận bổ sung tại tiêu chí “Mô tả hàng hóa”. Trường hợp tiêu chí “Mô tả hàng hóa” vẫn không đáp ứng đủ nội dung cần ghi nhận, cho phép người khai hải quan sử dụng tệp tin đính kèm (nghiệp vụ HYS) để ghi nhận các nội dung cần khai báo.

## 2. Giải phóng hàng

Điều 16 Thông tư 22/2014/TT-BTC quy định khi người khai hải quan đề nghị giải phóng hàng phải “thực hiện bảo lãnh đối với số tiền thuế tự kê khai, tự tính thuế”. Trường hợp người khai hải quan lựa chọn thực hiện thủ tục hải quan điện tử thì thực hiện nghiệp vụ giải phóng hàng theo đúng quy định tại Điều 16 Thông tư 22/2014/TT-BTC. Đề nghị các Cục Hải quan tỉnh, thành phố hướng dẫn người khai hải quan thực hiện đúng quy định.

## 3. Thông quan hàng hóa

a) Trường hợp hàng hóa được phép xuất khẩu, nhập khẩu nhưng cơ quan Hải quan nghi ngờ các yếu tố liên quan đến cơ sở tính thuế (số lượng, mã số hàng hóa), nhưng cơ quan Hải quan không đủ cơ sở để bác bỏ ngay trong quá trình thông quan mà phải thông qua giám định, phân tích phân loại... và người khai hải quan không đề nghị giải phóng hàng thì cơ quan Hải quan cho phép thông quan sau khi kiểm tra đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ của thông tin khai báo và người khai hải quan có văn bản cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế sau khi có kết quả giám định, phân tích phân loại và chịu xử phạt (nếu có), đồng thời thực hiện các nghĩa vụ về thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số tiền thuế trên cơ sở tự kê khai, tính thuế. Căn cứ kết quả giám định, phân tích phân loại, Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai xác định chính xác số tiền thuế phải nộp, nếu số thuế khác số thuế người khai hải quan đã nộp hoặc bảo lãnh thì thực hiện ấn định thuế và thông báo cho người khai hải quan, xử phạt (nếu có).

b) Trường hợp cơ quan hải quan trì hoãn xác định trị giá tính thuế (các trường hợp phải thực hiện tham vấn giá): Thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 3844/TCHQ- TXNK ngày 11/4/2014 của Tổng cục Hải quan.

4. Chỉ đạo các nội dung cần kiểm tra và ghi nhận kết quả kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa tại ô “Cập nhật ý kiến của Lãnh đạo” và “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý” tại Màn hình kiểm tra thông tin tờ khai trên Hệ thống VCIS

a) Trường hợp thông tin cần cập nhật vượt quá 200 ký tự thì người cập nhật có thể cập nhật nhiều lần thông tin cần ghi nhận. Số lần cập nhật tối đa là 5 lần.

b) Trường hợp thông tin cần cập nhật vượt quá 5 lần cập nhật thì sử dụng Phiếu ghi kết quả kiểm tra theo mẫu HQ/2012-PGKQKT ban hành kèm theo Thông tư 15/2012/TT-BTC để ghi nhận và lưu cùng hồ sơ hải quan.

c) Việc quyết định kiểm tra qua máy soi tập trung, luân chuyển hồ sơ, ghi nhận kết quả kiểm tra,... thực hiện theo Quyết định số 4288/QĐ-TCHQ ngày 26/12/2013 của Tổng cục Hải quan. Đối với những quy định tại Quyết định số 4288/QĐ-TCHQ có dẫn chiếu đến quy định tại Thông tư 196/2012/TT-BTC và Quyết định 3046/QĐ-TCHQ thì thực hiện theo các quy định tương ứng tại Thông tư 22/2014/TT-BTC và Quyết định 988/QĐ-TCHQ ngày 28/3/2014.

d) Đối với tờ khai phân vào luồng vàng, hàng hóa thuộc đối tượng phải lấy mẫu, bước 2 lập Phiếu yêu cầu lấy mẫu (theo mẫu số 11/PLM/2013 ban hành kèm theo Thông tư 128/2013/TT-BTC) chuyển công chức được phân công lấy mẫu thực hiện lấy mẫu, không thực hiện chuyển luồng.

e) Việc quyết định lựa chọn hình thức, mức độ kiểm tra thực hiện theo chỉ dẫn của VCIS đã được hướng dẫn tại công văn 3518/TCHQ-QLRR về hướng dẫn nội dung thông tin quản lý rủi ro trên chức năng xử lý tờ khai hải quan (NA02A) của VCIS.

5. Thủ tục sửa tờ khai sau thời điểm xác nhận nghiệp vụ CEA/CEE đối với các chỉ tiêu không liên quan đến thuế và không thuộc 10 chỉ tiêu không được phép sửa quy định tại điểm 3 Phụ lục II Thông tư 22/2014/TT-BTC

a) Trách nhiệm của Chi cục trưởng

a1) Phân công công chức kiểm tra hồ sơ khai sửa đổi, bổ sung ngoài Hệ thống. Trường hợp tờ khai luồng vàng, luồng đỏ ưu tiên phân công công chức đã thực hiện kiểm tra hồ sơ trong quá trình thông quan thực hiện.

a2) Phê duyệt kết quả kiểm tra hồ sơ khai sửa đổi, bổ sung trên văn bản do công chức đề xuất.

b) Trách nhiệm của công chức được phân công

a1) Tiếp nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo phân công của Chi cục trưởng.

a2) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ sửa đổi, bổ sung. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung bao gồm:

- Văn bản đề nghị khai sửa đổi, bổ sung về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 1/KBS/2014 Phụ lục III Thông tư 22/2014/TT-BTC, trong đó ghi cụ thể nội dung khai sửa đổi, bổ sung và lý do sửa đổi, bổ sung tại điểm 6 “Lý do khai bổ sung, sửa chữa Tờ khai” Mẫu số 1.

- Hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 8 Thông tư 22/2014/TT-BTC đối với tờ khai luồng xanh.

- Các chứng từ chứng minh lý do sửa đổi, bổ sung (nếu có).

a3) Trên cơ sở kết quả kiểm tra, đề xuất Chi cục trưởng chấp thuận/không chấp thuận việc sửa đổi, bổ sung tờ khai. Sau khi Chi cục trưởng phê duyệt hình thức xử lý đối với nội dung sửa đổi, bổ sung của người khai hải quan, công chức thực hiện như sau:

- Trường hợp không chấp nhận nội dung sửa đổi, bổ sung: thông báo cho người khai hải quan bằng văn bản và chuyển thông tin về nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung sang bộ phận làm nhiệm vụ quản lý rủi ro của Chi cục để tiến hành kiểm tra và đề xuất xử lý.

- Trường hợp chấp nhận nội dung sửa đổi, bổ sung: sử dụng đồng thời chức năng CNO/CNO11 trên Hệ thống VNACCS/VCIS và chức năng “Bổ sung thông tin sửa tờ khai sau CEA/CEE không liên quan đến thuế” trên Hệ thống e-Customs để ghi nhận nội dung sửa đổi, bổ sung. Lưu 01 bản chính văn bản đề nghị khai sửa đổi, bổ sung cùng hồ sơ sửa đổi, bổ sung. Sao 01 bản văn bản đề nghị khai sửa đổi, bổ sung có xác nhận của cơ quan Hải quan, ký tên, đóng dấu công chức trên bản sao và trả người khai hải quan.

Việc sử dụng chức năng “Bổ sung thông tin sửa tờ khai sau CEA/CEE không liên quan đến thuế” và công chức giám sát kiểm tra thông tin sửa đổi, bổ sung trên Hệ thống e-Customs áp dụng từ ngày 15/5/2014. Từ nay đến ngày 15/5/2014, công chức giám sát căn cứ văn bản đề nghị khai sửa đổi, bổ sung có xác nhận của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai do người khai hải quan xuất trình để thực hiện tiếp các thủ tục.

#### 6. Thủ tục hủy tờ khai sau thời điểm xác nhận nghiệp vụ CEA/CEE

Công chức được giao nhiệm vụ thực hiện thủ tục hủy tờ khai theo đúng quy định tại khoản III.2 Mục 2 Phần I Quy trình ban hành kèm theo Quyết định 988/QĐ-TCHQ. Đối với hồ sơ hủy hợp lệ thì thực hiện thêm những công việc sau đây:

a) Thu hồi bản in Tờ khai hải quan điện tử có xác nhận của cơ quan Hải quan (trong trường hợp cơ quan Hải quan đã xác nhận Thông quan/Giải phóng hàng), lưu cùng bộ hồ sơ sửa đổi, bổ sung.

b) Sử dụng nghiệp vụ CNO/CNO11 trên Hệ thống VNACCS/VCIS và chức năng “Cập nhật thông tin tờ khai hủy sau CEA/CEE” trên Hệ thống e-Customs để ghi nhận và chuyển tờ khai sang trạng thái hủy.

c) Hủy tiền thuế (nếu có) trên Hệ thống KTT (thông qua chứng từ ghi số H3).

Việc sử dụng chức năng “Cập nhật thông tin tờ khai hủy sau CEA/CEE” trên Hệ thống e-Customs áp dụng từ ngày 15/5/2014. Từ nay đến ngày 15/5/2014, sau khi hủy tờ khai, Chi cục nơi đăng ký tờ khai fax ngay văn bản Chi cục trưởng phê duyệt việc hủy tờ khai cho khu vực giám sát hải quan nơi đang lưu giữ hàng hóa để không cho phép hàng hóa qua khu vực giám sát.

d) Chuyển thuế từ tờ khai hủy sang tờ khai khai lại (nếu có):

Căn cứ giấy đề nghị điều chỉnh thuế theo mẫu C1-07 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013 của Bộ Tài chính do người khai hải quan nộp, công chức được giao nhiệm vụ thực hiện:

d1) Kiểm tra thông tin trên giấy nộp tiền và giấy đề nghị điều chỉnh thuế, nếu hợp lệ sử dụng nghiệp vụ RCC xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế cho tờ khai khai lại.

d2) Chuyển Giấy nộp tiền và giấy đề nghị điều chỉnh thuế theo mẫu C1-07 cho bộ phận kế toán để điều chỉnh tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

#### 7. Hướng dẫn các vấn đề liên quan đến thuế

a) Mỗi Chi cục Hải quan phải đảm bảo có 3 bộ tài khoản để thực hiện thủ tục hải quan điện tử trên Hệ thống VNACCS/VCIS:

+ Tài khoản thu Ngân sách nhà nước (7111);

+ Tài khoản nộp thuế tạm thu;

+ Tài khoản thu lệ phí hải quan, phí thu hộ.

Trường hợp Chi cục Hải quan chưa có đủ bộ tài khoản thì đề nghị mở thêm tài khoản với Kho bạc Nhà nước địa phương phù hợp với số hiệu tài khoản đã được cập nhật trong Hệ thống. Thông tin về tài khoản xem chi tiết trên Website Tổng cục Hải quan (Bảng mã A407A).

b) Kiểm tra, cập nhật bảo lãnh chung

Công chức được giao nhiệm vụ kiểm tra văn bản đề nghị được bảo lãnh chung của người khai hải quan và các điều kiện bảo lãnh chung theo quy định tại Điều 19 Thông tư 22/2014/TT-BTC.

b1) Trường hợp từ chối áp dụng bảo lãnh do không đáp ứng các điều kiện bảo lãnh, đề xuất Chi cục trưởng ban hành thông báo bằng văn bản cho người khai hải quan.

b2) Trường hợp chấp nhận bảo lãnh chung và Tổ chức cấp Thư bảo lãnh chưa ký kết thỏa thuận phối hợp thu thuế với Tổng cục Hải quan hoặc thông tin về Thư bảo lãnh không tự cập nhật được vào Hệ thống Kế toán thuế tập trung, công chức được giao nhiệm vụ thực hiện như sau:

- Nhập thông tin bảo lãnh chung vào Hệ thống Kế toán thuế tập trung (Hệ thống KTT). Bảo lãnh chung chỉ được cập nhật một lần vào Hệ thống KTT.

- Thu bản chính Bảo lãnh chung do người khai hải quan nộp và ghi nhận nội dung "Bảo lãnh đã được theo dõi bằng điện tử trên hệ thống của Hải quan" trên bản chính Bảo lãnh chung.

- Bảo lãnh chung đã cập nhật tổng số tiền trên Thư bảo lãnh vào Hệ thống KTT thì được trừ lùi và khôi phục số dư bảo lãnh.

Thư bảo lãnh chung chỉ cho trừ lùi nhưng không khôi phục số dư bảo lãnh

thì không thực hiện cập nhật vào Hệ thống KTT tổng số tiền trên Thư bảo lãnh. Trường hợp đã tiếp nhận Thư bảo lãnh chung nêu trên thì thực hiện theo dõi từ lùi thủ công, cập nhật từng lần vào Hệ thống KTT bằng chức năng bảo lãnh riêng cho từng tờ khai cụ thể.

c) Kiểm tra, cập nhật bảo lãnh riêng và Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước

c1) Hướng dẫn người khai hải quan yêu cầu các ngân hàng và Kho bạc sử dụng 11 ký tự đầu tiên của số tờ khai 12 ký tự để nhập tiêu chí “Số tờ khai” trên Thư Bảo lãnh riêng và Giấy nộp tiền. Số tờ khai của Hệ thống VNACCS là duy nhất nên không cần mã loại hình.

c2) Hướng dẫn nhập liệu Thư bảo lãnh riêng vào Hệ thống KTT trong trường hợp Tổ chức cấp Thư bảo lãnh chưa ký kết thỏa thuận phối hợp thu thuế với Tổng cục Hải quan hoặc thông tin về Thư bảo lãnh không tự cập nhật được vào Hệ thống KTT:

- Sử dụng 11 ký tự đầu tiên của số tờ khai 12 ký tự để nhập tiêu chí “Số tờ khai”.

- Cập nhật thông tin về bảo lãnh riêng, trường hợp các tiêu chí nào không phải điền (như bảo lãnh bằng số tờ khai thì không khai các thông tin liên quan đến hóa đơn và vận đơn) thì để trống để hoàn thành nhập liệu.

- Sử dụng nghiệp vụ IAS để kiểm tra thông tin Bảo lãnh riêng trên Hệ thống VNACCS có tồn tại hay không trước khi chuyển người khai khai báo IDA/EDA.

c3) Để khắc phục tình trạng người khai hải quan đã nộp thuế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Kho bạc Nhà nước, có quyết định không thu thuế, đã hủy tờ khai liên quan đến thuế nhưng trên Hệ thống không phản ánh thông tin người khai hải quan đã nộp thuế dẫn đến tình trạng nợ cưỡng chế và bị dừng làm thủ tục Hải quan, không được mở tờ khai mới, công chức được giao nhiệm vụ thường xuyên tiến hành rà soát các doanh nghiệp có nợ thuế quá 90 ngày do chưa nhập quyết định không thu thuế, chưa xử lý đối với khoản thuế của tờ khai đã hủy trên Hệ thống KTT, hoặc đã cập nhật chứng từ nộp thuế nhưng chưa xử lý dữ liệu thì khẩn trương cập nhật chứng từ để tránh cưỡng chế sai.

8. Thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan:

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan thực hiện như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán trên Hệ thống VNACCS/VCIS. Tuy nhiên để phù hợp với hoạt động hàng hóa gửi kho ngoại quan, Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể từng trường hợp như sau:

a) Hàng hoá từ nước ngoài hoặc từ các khu phi thuế quan gửi kho ngoại quan.

a1) Hàng hoá theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP

được gửi kho ngoại quan;

a2) Khi khai báo lưu ý các tiêu chí sau:

- Sử dụng mã loại hình là C11;

- Mã hiệu phương thức vận chuyển: Theo hình thức vận chuyển hàng hóa vào Việt Nam, trong trường hợp hàng gửi kho ngoại quan từ các khu phi thuế quan thì khai mã “9”;

- Người nhập khẩu: người thuê kho ngoại quan hoặc chủ kho ngoại quan (nếu được ủy quyền);

- Người xuất khẩu: người gửi hàng đứng tên trên vận đơn (trong trường hợp người gửi kho ngoại quan là chủ hàng nước ngoài) hoặc người xuất khẩu;

- Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến: là mã địa điểm đang lưu giữ hàng hóa khi khai và trước khi vận chuyển hàng hóa về kho ngoại quan (hàng nhập khẩu gửi kho ngoại quan là mã địa điểm cảng, cửa khẩu nơi lưu giữ hàng hóa; hàng từ khu phi thuế quan thì khai mã địa điểm khu phi thuế quan);

- Địa điểm dỡ hàng: Cửa khẩu nhập khẩu hàng gửi kho ngoại quan, trường hợp nhập khẩu từ khu phi thuế quan không phải nhập.

- Địa điểm xếp hàng: Nơi xếp hàng hóa lên phương tiện vận tải tại nước xuất khẩu. Trường hợp hàng gửi kho ngoại quan từ khu phi thuế quan thì nhập ZZZZZ và tên khu phi thuế quan;

- Phân loại hình thức hóa đơn: Trường hợp không có hóa đơn chọn Chứng từ thay thế hóa đơn (mã B). Người khai tự lập chứng từ thay thế hóa đơn, khai vào các chỉ tiêu liên quan từ hồ sơ nhập kho ngoại quan hoặc trị giá lô hàng gửi kho trên hợp đồng thuê kho.

- Ngày được phép nhập kho đầu tiên: Khai ngày thực hiện nghiệp vụ IDC (ngày khai báo chính thức);

- Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế: Mã kho ngoại quan (tham khảo bảng mã địa điểm lưu giữ hàng hóa chờ thông quan dự kiến trên Website [www.customs.gov.vn](http://www.customs.gov.vn)). Chỉ khai địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế đối với trường hợp hàng hóa từ nước ngoài gửi kho ngoại quan.

- Dùng nghiệp vụ HYS để khai báo tệp tin đính kèm là hợp đồng thuê kho ngoại quan và khai số đính kèm khai báo điện tử khi khai báo hàng gửi kho ngoại quan. Trong trường hợp hợp đồng thuê sử dụng cho nhiều lần nhập kho ngoại quan thì chỉ cần đính kèm tệp tin hợp đồng trong lần đầu tiên đăng ký tờ khai nhập kho ngoại quan, trường hợp tiếp theo chỉ cần đính kèm thông báo gửi hàng hoặc phụ lục hợp đồng thuê kho cho lần khai báo gửi kho.

- Dùng nghiệp vụ HYS để khai báo danh sách số container, số seal và số vận đơn (nếu có) của lô hàng gửi kho ngoại quan.

- Đối với trường hợp hàng xuất từ khu phi thuế quan gửi vào kho ngoại quan thì tờ khai xuất của doanh nghiệp trong khu phi thuế quan mở tờ khai xuất



khẩu theo loại hình tương ứng; khai tiêu chí địa điểm mã phương thức vận chuyển là “9”; mã địa điểm nhận hàng cuối cùng: ô 1- VNZZZ, ô 2- ghi tên kho ngoại quan; mã địa xếp hàng: ô 1- để trống, ô 2- ghi tên kho ngoại quan; điểm đích cho vận chuyển bảo thuế: là kho ngoại quan.

b) Thủ tục hải quan đối với hàng hoá từ nội địa đưa vào kho ngoại quan

b1) Các loại hàng hóa quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP và hàng hóa từ kho ngoại quan đã được đưa vào nội địa để gia công tái chế, sau đó đưa trở lại kho ngoại quan theo chỉ định của nước ngoài.

b2) Khi khai báo đối với trường hợp này, người khai hải quan lưu ý một số chỉ tiêu thông tin sau:

- Khai chỉ tiêu thông tin như hướng dẫn tại điểm a trên đây nhưng không khai địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế;

- Khai tệp tin đính kèm HYS đối với Quyết định buộc tái xuất của cơ quan có thẩm quyền;

- Chi cục Hải quan quản lý kho ngoại quan tổ chức giám sát việc hàng hóa nhập kho ngoại quan, xác nhận hàng hóa đã đưa vào kho ngoại quan.

b3) Trong trường hợp này, người xuất khẩu thực hiện thủ tục hải quan theo loại hình tương ứng, địa điểm xếp hàng là kho ngoại quan, địa điểm đích vận chuyển bảo thuế là kho ngoại quan.

c) Thủ tục hải quan đối với hàng hoá từ kho ngoại quan đưa ra nước ngoài, đưa vào các khu phi thuế quan:

c1) Khai chỉ tiêu thông tin trên tờ khai xuất khẩu theo hướng dẫn sau:

- Sử dụng mã loại hình là C12;

- Mã hiệu phương thức vận chuyển: Theo hình thức vận chuyển hàng hóa xuất ra khỏi Việt Nam, trong trường hợp hàng xuất kho ngoại quan vào các khu phi thuế quan thì khai mã “9”;

- Người xuất khẩu là: chủ hàng hoặc chủ kho ngoại quan (được ủy quyền)

- Người nhập khẩu là: người nhập khẩu ở nước ngoài hoặc người nhập khẩu trong các khu phi thuế quan;

- Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến: là mã địa điểm của kho ngoại quan;

- Địa điểm xếp hàng: Nơi xếp hàng hóa lên phương tiện vận tải tại nước xuất khẩu (cửa khẩu xuất). Trường hợp hàng xuất kho ngoại quan vào khu phi thuế quan thì nhập ZZZZZ và tên khu phi thuế quan;

- Phân loại hình thức hóa đơn: Trường hợp không có hóa đơn chọn Chứng từ thay thế hóa đơn (mã B). Người khai tự lập chứng từ thay thế hóa đơn theo trị giá lô hàng trên hợp đồng đã ký và khai báo vào các chỉ tiêu có liên quan.

- Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế: Mã địa điểm của cửa khẩu xuất

hoặc mã địa điểm của khu phi thuế quan (tham khảo bảng mã địa điểm lưu giữ hàng hóa chờ thông quan trên Website [www.customs.gov.vn](http://www.customs.gov.vn));

d) Thủ tục hải quan đối với hàng hoá từ kho ngoại quan nhập khẩu vào nội địa:

d1) Người nhập khẩu thực hiện thủ tục nhập khẩu theo loại hình tương ứng, sau đó chủ kho ngoại quan thực hiện thủ tục xuất kho ngoại quan.

d2) Khi khai thủ tục xuất kho ngoại quan và thủ tục nhập khẩu lưu ý:

- Người nhập khẩu khi thực hiện thủ tục nhập khẩu phải khai mã hiệu phương thức vận chuyển là “9”; địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến là kho ngoại quan.

- Khi làm thủ tục xuất kho khai báo mã hiệu phương thức vận chuyển là “9”; mã địa điểm lưu kho dự kiến chờ thông quan là mã địa điểm kho ngoại quan; địa điểm nhận hàng cuối cùng: ô 1 – để trống, ô 2 - ghi tên Công ty nhập khẩu;

- Ghi số tờ khai nhập khẩu vào ô “Phần ghi chú” trên tờ khai.

e) Thủ tục vận chuyển hàng hoá từ kho ngoại quan này sang kho ngoại quan khác trên lãnh thổ Việt Nam

e1) Chi cục Hải quan kho ngoại quan xuất hàng làm thủ tục hải quan xuất kho như hướng dẫn tại điểm c mục này. Lưu ý: khi khai thủ tục xuất kho, người khai hải quan khai điểm đích cho vận chuyển bảo thuế là kho ngoại quan nơi gửi hàng đến.

e2) Chi cục Hải quan nhập kho ngoại quan làm thủ tục nhập kho như hướng dẫn tại điểm a mục này. Lưu ý: khi khai thủ tục nhập kho, người khai hải quan không phải khai điểm đích cho vận chuyển bảo thuế. Địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến là kho ngoại quan nơi hàng hóa nhập kho.

g) Quản lý hải quan đối với hàng hóa gửi kho ngoại quan

g1) Việc quản lý hải quan đối với hàng hoá gửi kho ngoại quan thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 59 Thông tư số 128/2013/TT-BTC.

g2) Giám sát hàng hóa: Đối với hàng hóa di chuyển từ khu vực giám sát hải quan đến kho ngoại quan và ngược lại: Chi cục Hải quan nơi hàng hóa chuyển đi thực hiện nghiệp vụ BOA, Chi cục Hải quan nơi hàng chuyển đến thực hiện nghiệp vụ BIA. Thực hiện việc niêm phong hàng hóa và lập Biên bản bàn giao. Mẫu Biên bản bàn giao theo hướng dẫn tại Phụ lục II Công văn 4177/TCHQ-VNACCS ngày 18/4/2014. Chi cục Hải quan nơi hàng chuyển đi có trách nhiệm theo dõi hàng vận chuyển đến đích. Trong trường hợp quá thời hạn mà hàng hóa chưa đến đích, Chi cục Hải quan nơi hàng chuyển đi và Chi cục Hải quan nơi hàng đến có trách nhiệm phối hợp truy tìm hàng hóa.

9. Thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu đưa vào kho CFS

a) Khi thực hiện thủ tục xuất khẩu hàng hóa đưa vào kho CFS thì khai địa

điểm xếp hàng và điểm đích của vận chuyển bảo thuế là kho CFS.

b) Trách nhiệm của chủ kho CFS:

Đăng ký tờ khai vận chuyển độc lập cho các lô hàng xuất khẩu đóng chung 01 container tại Chi cục Hải quan quản lý kho CFS để vận chuyển hàng hóa ra cửa khẩu xuất hàng. Các tờ khai xuất khẩu được khai báo tại tiêu chí số tờ khai xuất khẩu trên tờ khai vận chuyển này (không chuyển các tờ khai xuất khẩu ra cửa khẩu xuất).

c) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan quản lý kho CFS

- Thực hiện thủ tục hải quan điện tử đối với Tờ khai vận chuyển độc lập theo đúng quy định tại Mục 1 Phần VIII quy trình ban hành kèm theo Quyết định 988/QĐ-TCHQ.

- Chi cục Hải quan quản lý kho CFS căn cứ thông tin hàng đã đến cửa khẩu xuất thực tế trên Hệ thống VNACCS/VCIS (thông qua nghiệp vụ ITF) và tờ khai vận chuyển để xác nhận hàng qua khu vực giám sát hải quan cho các tờ khai tương ứng.

d) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất

Thực hiện thủ tục hải quan điện tử đối với Tờ khai vận chuyển độc lập theo đúng quy định tại Mục 1 Phần VIII quy trình ban hành kèm theo Quyết định 988/QĐ-TCHQ.

10. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa khai báo vận chuyển độc lập

a) Nguyên tắc thực hiện: Chỉ thực hiện khi Chi cục Hải quan quản lý khu vực lưu giữ hàng hóa nơi vận chuyển đi và Chi cục Hải quan quản lý khu vực lưu giữ hàng hóa nơi vận chuyển đến đã triển khai Hệ thống VNACCS/VCIS.

b) Các trường hợp khai báo vận chuyển độc lập

- Hàng hóa vận chuyển từ cửa khẩu đến CFS và ngược lại (trừ trường hợp kho CFS nằm trong cùng khu vực cửa khẩu).

- Hàng hóa luân chuyển giữa các DNCX không cùng một KCX nhưng các DNCX này thuộc một tập đoàn hay một hệ thống công ty mà lựa chọn không làm thủ tục hải quan.

- Trường hợp hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan đưa vào khu vực giám sát tại cửa khẩu xuất mà thay đổi của khẩu xuất hàng.

Các trường hợp khác quy định tại Điều 33 Thông tư 22/2014/TT-BTC người khai hải quan được lựa chọn thực hiện khai báo vận chuyển độc lập hoặc khai báo vận chuyển kết hợp.

Những mã loại hình khai báo vận chuyển kết hợp được quy định tại công văn 3283/TCHQ-GSQL ngày 31/3/2014 (tại chỉ tiêu CD: Khai báo gộp).

c) Hồ sơ hải quan: theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Thông tư 22/2014/TT-BTC. Trường hợp không có hóa đơn thương mại, phải có chứng từ chứng minh (hợp đồng vận chuyển, chứng từ vận tải...) về trị giá lô hàng để

thay thế hóa đơn thương mại.

d) Thủ tục thực hiện: theo trình tự thủ tục quy định tại Mục 1 Phần VIII Quy trình ban hành kèm theo Quyết định 988/QĐ-TCHQ.

#### 11. Xác nhận trên bản in Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Cơ quan Hải quan chỉ tiến hành xác nhận trên bản in Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (trừ thông tin chi tiết từng dòng hàng) theo đúng các trường hợp quy định tại Thông tư 22/2014/TT-BTC và Quyết định 988/QĐ-TCHQ cho đến khi có văn bản hướng dẫn mới.

Người khai hải quan chuyển đổi Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu điện tử được cơ quan Hải quan gửi về Hệ thống khai báo của người khai hải quan thành chứng từ giấy theo đúng quy định tại Nghị định 27/2007/NĐ-CP và Thông tư 78/2008/TT-BTC để xuất trình, nộp cho cơ quan khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu khi có yêu cầu.

12. Khi xuất khẩu sản phẩm gia công, trường hợp sản phẩm gia công có sử dụng nguyên vật liệu tự cung ứng mua tại Việt Nam thì thực hiện như sau:

##### a) Người khai hải quan:

- Thực hiện khai báo thông tin về nguyên vật liệu tự cung ứng và tính thuế xuất khẩu đối với nguyên liệu tự cung ứng có thuế xuất khẩu trên mẫu Phụ lục Tờ khai hàng hóa xuất khẩu ban hành theo Thông tư 15/2012/TT-BTC ngày 8/2/2014.

- Gửi Phụ lục Tờ khai hàng hóa xuất khẩu bằng tệp tin đính kèm đến Hệ thống VNACCS thông qua nghiệp vụ HYS, đồng thời nộp bản giấy Phụ lục Tờ khai hàng hóa xuất khẩu tại Chi cục hải quan nơi đăng ký tờ khai.

b) Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai căn cứ vào thông tin tính thuế trên Phụ lục Tờ khai hàng hóa xuất khẩu để cập nhật thông tin vào Hệ thống Kế toán thuế tập trung.

13. Khai tiêu chí “Số lượng” trên từng dòng hàng (Tiêu chí 1.83 đối với Tờ khai hàng hóa nhập khẩu và tiêu chí 2.72 đối với Tờ khai hàng hóa xuất khẩu)

Trường hợp số lượng thực tế của hàng hóa có số ký tự vượt quá 02 số sau dấu thập phân, người khai hải quan thực hiện làm tròn số thành 02 số sau dấu thập phân để thực hiện khai báo. Số lượng thực tế khai báo tại tiêu chí “Mô tả hàng hóa” trên Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

#### 14. Xác nhận hàng qua khu vực giám sát

a) Tiếp theo công văn 4415/TCHQ-VNACCS ngày 23/4/2014, để đẩy nhanh hơn nữa việc xác nhận hàng qua khu vực giám sát, Tổng cục Hải quan hướng dẫn bổ sung như sau:

a1) Theo đề nghị của người khai hải quan, công chức bước 4 in tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (trừ thông tin chi tiết từng dòng hàng), đóng dấu

xác nhận theo mẫu dấu tương ứng quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định 988/QĐ-TCHQ, ký tên, đóng dấu công chức vào góc trên cùng bên phải của trang đầu tiên của Tờ khai in. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu vận chuyển bằng container, in Bảng kê số hiệu container đính kèm tờ khai và đóng dấu giáp lai Tờ khai và Bảng kê in giao người khai hải quan xuất trình tại khu vực giám hải quan.

a2) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi có địa điểm giám sát quyết định việc chuyển sang xử lý thủ công khâu giám sát khi Hệ thống e-Customs gặp sự cố không thể thực hiện ngay việc xác nhận hàng qua khu vực giám sát trên Hệ thống hoặc việc truy xuất chức năng xác nhận hàng qua khu vực giám sát trên Hệ thống e-Customs quá 5 phút mà không thực hiện được và hướng dẫn thực hiện như sau:

Người khai hải quan trực tiếp mang hồ sơ đến Bộ phận giám sát công khu vực giám sát để thực hiện thủ tục xác nhận hàng qua khu vực giám sát.

Công chức giám sát công khu vực giám sát hải quan căn cứ Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Bảng kê số hiệu container (nếu có) có xác nhận của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai, các chứng từ theo đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 Thông tư 22/2014/TT-BTC và hướng dẫn tại các Quyết định 2408/QĐ-TCHQ, Quyết định 148/QĐ-TCHQ, Quyết định 149/QĐ-TCHQ, Quyết định 2428/QĐ-TCHQ để xác nhận hàng hóa qua khu vực giám sát. Công chức giám sát được giao nhiệm vụ lập sổ theo dõi hàng hóa đã qua khu vực giám sát hải quan chuyên Văn phòng Đội giám sát theo dõi.

Sau khi Hệ thống e-Customs hoạt động ổn định và thông suốt, Văn phòng Đội giám sát cập nhật ngay thông tin hàng hóa đã qua khu vực giám sát vào Hệ thống.

b) Khi xác nhận hàng qua khu vực giám sát công chức hải quan đóng dấu xác nhận “Hàng đã qua khu vực giám sát” theo mẫu số 6 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 988/QĐ-TCHQ ngày 28/3/2014, ký tên, đóng dấu công chức vào góc trên cùng bên phải trang đầu tiên Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

c) Chậm nhất 01 giờ kể từ khi tiếp nhận hồ sơ do người khai hải quan chuyên đến, công chức hải quan giám sát phải hoàn thành việc xác nhận hàng qua khu vực giám sát.

d) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi quản lý địa điểm giám sát có trách nhiệm bố trí đủ cán bộ có năng lực thực hiện công tác giám sát theo hướng dẫn tại công văn này đảm bảo 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần.

15. Việc lập Biên bản bàn giao đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được phép chuyên cửa khẩu theo quy định tại Điều 18 Nghị định 154/2005/NĐ-CP

Các trường hợp phải lập Biên bản bàn giao đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo đúng quy định tại khoản 9 Điều 61 Thông tư 128/2013/TT-BTC và điểm 2 công văn 1767/BTC-TCHQ ngày 11/2/2014. Mẫu Biên bản bàn giao thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo

công văn 4177/TCHQ-VNACCS ngày 18/4/2014.

Theo đó, các trường hợp không phải lập Biên bản bàn giao bao gồm:

- Hàng hóa xuất khẩu thuộc đối tượng miễn kiểm tra thực tế mà doanh nghiệp tập kết hàng hóa xuất khẩu tại kho, bãi của doanh nghiệp theo quy định tại điểm 2 công văn 1767/BTC-TCHQ ngày 11/2/2014.

- Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn kiểm tra thực tế hàng hóa.

16. Thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ đối với doanh nghiệp ưu tiên

Thực hiện khoản 2 Điều 20 Thông tư 86/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 cho phép doanh nghiệp ưu tiên khi thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo Thông tư 22/2014/TT-BTC được khai tờ khai nhập khẩu tại chỗ tương ứng với nhiều tờ khai xuất khẩu tại chỗ của các đối tác theo đúng nguyên tắc xuất khẩu thực hiện trước, nhập khẩu thực hiện sau.

Khi khai báo tờ khai nhập khẩu tại chỗ, doanh nghiệp ưu tiên phải ghi nhận các tờ khai xuất khẩu tại chỗ tại “Phần ghi chú” trên Tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

17. Kiểm tra thực tế hàng hóa tại Chi cục Hải quan cửa khẩu

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Thông tư 22/2014/TT-BTC và Điều 19 Thông tư 196/2012/TT-BTC, Chi cục Hải quan cửa khẩu thực hiện việc kiểm tra thực tế hàng hóa đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

Thủ tục thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa tại Chi cục Hải quan cửa khẩu thực hiện theo quy định tại điểm 7 công văn 3609/TCHQ-VNACCS ngày 4/4/2014.

18. Kinh doanh tạm nhập – tái xuất xăng dầu

Thủ tục kinh doanh tạm nhập – tái xuất xăng dầu thực hiện theo quy định tại Chương III Thông tư 139/2013/TT-BTC ngày 09/10/2013 của Bộ Tài chính và doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu tạm nhập – tái xuất khi tái xuất có thể sử dụng nguồn xăng dầu cùng chủng loại với nguồn xăng tạm nhập trong hệ thống kho nội địa của mình. Trong trường hợp này khi khai thủ tục hải quan điện tử không yêu cầu doanh nghiệp phải khai báo thủ tục vận chuyển.

Tổng cục Hải quan thông báo để các Cục Hải quan tỉnh, thành phố biết và hướng dẫn người khai hải quan thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, VNACCS (05b).

